

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ LIÊN VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ LIÊN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIEN VIET INVESTMENT AND SERVICE, TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LIENVIETIST

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108835597

**3. Ngày thành lập:** 23/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, số nhà 249 Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914875857

Fax:

Email: [lienvietist@gmail.com](mailto:lienvietist@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                  | 4101     |
| 2.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy | 4299     |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                             | 4311     |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                  | 4312     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                              | 4321     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                              | 4322     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: + Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung                              | 4329     |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                     | 4330     |
| 9.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng<br>- Kiểm định xây dựng<br>- Khảo sát xây dựng<br>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế xây dựng công trình<br>- Tư vấn quản lý dự án<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn đấu thầu | 7110        |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3312        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3314        |
| 13. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                    | 3315        |
| 14. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3600        |
| 15. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3700        |
| 16. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3811(Chính) |
| 17. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3812        |
| 18. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3821        |
| 19. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3822        |
| 20. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3830        |
| 21. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                                                            | 3900        |
| 22. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                               | 4520        |
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                            | 4669        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                         | 4933        |
| 25. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5210        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Trừ tổ chức các hoạt động vận tải hàng không)                                                                                                                                                                                                        | 5229        |
| 27. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động khí tượng thủy văn; Tư vấn về nông học; Tư vấn về công nghệ khác; Hoạt động phiên dịch                                                                                                                        | 7490        |
| 28. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710        |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ đấu giá, vàng miếng, vàng nguyên liệu, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                               | 4789        |
| 30. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0118        |
| 31. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8531        |
| 32. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8532        |
| 33. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8533        |
| 34. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8121        |
| 35. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                            | 8129        |

|     |                                       |      |
|-----|---------------------------------------|------|
| 36. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan | 8130 |
|-----|---------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                     | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN QUÝ HỘI   | Căn hộ 04A- tầng 27- TNHH, tổ 50, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                              | Cổ phần phổ thông         | 200.000    | 2.000.000.000         | 33,333    | 044083001272                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Tổng số                   | 200.000    | 2.000.000.000         | 33,333    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HÀM THẮNG | Căn hộ 2120 – CT3 – Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride, đường Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000    | 2.000.000.000         | 33,334    | 013544268                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          | Tổng số                   | 200.000    | 2.000.000.000         | 33,334    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                         |                                                                                                                                  |                                    |         |               |        |                  |
|---|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>HỒNG<br>TRUNG | Căn hộ 911 –<br>Thăng Long<br>Tower, đường<br>Mạc Thái Tổ,<br>Phường Yên Hoà,<br>Quận Cầu Giấy,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000 | 2.000.000.000 | 33,333 | 0440760012<br>61 |
|   |                         |                                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                  | Tổng số                            | 200.000 | 2.000.000.000 | 33,333 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/03/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013544269

Ngày cấp: 15/06/2012 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 2120 – CT3 – Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride, đường Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 2120 – CT3 – Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride, đường Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội